TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 397/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 374/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Mai Đăng Vĩnh P**, sinh ngày 01.01.1982; CCCD số 048082002087 cấp ngày 18.9.2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C. Địa chỉ: A L, tổ E, phường A, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Lê Thị Kim L**, sinh ngày 01.7.1982; CCCD số 048182005277 cấp ngày 28.6.2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C. Địa chỉ: K N, phường S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim Liên kết H vào năm 2025, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng); Giấy chứng nhận kết hôn số 13, đăng ký ngày 10.02.2025. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng không

còn tình cảm với nhau và mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L xác nhận có 01 con chung tên Mai Ngọc Kim N (sinh ngày 27.9.2025). Ly hôn, ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Lê Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Đăng Vĩnh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L xác định không có nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L xác nhận không nợ gì ai nên không đề cập giải quyết.

[5] Về lệ phí: Người yêu cầu giải quyết dân sự là ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L.

- *Về con chung:* Công nhận bà Lê Thị Kim L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Ngọc Kim N (sinh ngày 27.9.2025) cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Ông Mai Đăng Vĩnh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L xác nhận không nợ gì ai nên không đề cập giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L phải chịu lệ phí giải quyết dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000181 ngày 03.7.2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Mai Đăng Vĩnh P và bà Lê Thị Kim L đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người yêu cầu;*
- *VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;*
- *THADS thành phố Đà Nẵng;*
- *UBND phường An Hải (An Hải Bắc cũ)*
- *Lưu hồ sơ vụ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Phạm Văn Diện